

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1648/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 22 tháng 7 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
V/v ban hành Quy chế quản lý và sử dụng
kinh phí khuyến công tỉnh Phú Thọ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28/12/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính Phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 26/2014/TTLT-BTC-BCT ngày 18/02/2014 của Bộ Tài chính - Bộ Công Thương hướng dẫn trình tự lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 181/TTr-STC ngày 10 tháng 6 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công tỉnh Phú Thọ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 608/QĐ-UBND ngày 12/3/2010 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế đối với hoạt động Khuyến công trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan: Sở Tài chính, Sở Công Thương; Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị; Giám đốc Trung tâm Khuyến công, Tư vấn và Tiết kiệm năng lượng tỉnh; Các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Chu Ngọc Anh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công tỉnh Phú Thọ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1648/QĐ-UBND ngày 22 /7/2015
của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công tỉnh Phú Thọ theo quy định tại Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Thọ, bao gồm: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là cơ sở công nghiệp nông thôn).

2. Các cơ sở sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Thọ áp dụng sản xuất sạch hơn.

3. Các tổ chức, cá nhân tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công trên địa bàn tỉnh gồm: Trung tâm khuyến công, cơ sở đào tạo nghiên cứu khoa học công nghệ, doanh nghiệp có hoạt động tư vấn, đào tạo, chuyển giao công nghệ, cung cấp thông tin, xúc tiến thương mại và các hoạt động khác liên quan đến sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

Điều 3. Nguyên tắc sử dụng kinh phí khuyến công

Kinh phí khuyến công địa phương bảo đảm chi cho những hoạt động khuyến công do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý và tổ chức thực hiện, phù hợp với chủ trương, chính sách phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của Đảng, Nhà nước và Quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2011-2020, định hướng đến năm 2030.

Đề án, dự án và nhiệm vụ khuyến công thực hiện theo phương thức xét chọn hoặc đấu thầu theo quy định của Luật Đấu thầu.

Điều 4. Điều kiện để được hỗ trợ kinh phí khuyến công

Điều kiện để các tổ chức, cá nhân được hỗ trợ kinh phí khuyến công do UBND tỉnh Phú Thọ quy định phải đảm bảo các nguyên tắc:

1. Nội dung phù hợp với nội dung quy định tại Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công; ngành nghề phù hợp với danh mục ngành nghề quy định tại Điều 5 của Quy chế này.

2. Nhiệm vụ, đề án, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt (Hội đồng thẩm định liên ngành).

3. Tổ chức, cá nhân đã đầu tư hoặc cam kết đầu tư đủ các hạng mục thực hiện đề án, dự án và nhiệm vụ đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

4. Cam kết của tổ chức, cá nhân thực hiện đề án, dự án khuyến công chưa được hỗ trợ từ bất kỳ nguồn kinh phí nào của Nhà nước cho cùng một nội dung chi được kinh phí khuyến công hỗ trợ.

Điều 5. Ngành nghề được hỗ trợ kinh phí khuyến công

Theo quy định tại Quyết định số 1666/QĐ-UBND ngày 22/7/2014 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt chương trình khuyến công tỉnh Phú Thọ đến năm 2020.

Điều 6. Nguồn kinh phí đảm bảo hoạt động khuyến công địa phương

- Từ ngân sách tỉnh bố trí dự toán hàng năm.
- Nguồn đóng góp, tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.
- Các nguồn thu hợp pháp khác; lồng ghép các trương trình, dự án.

Chương II **NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 7. Nội dung chi hoạt động khuyến công

Theo quy định tại Quyết định số 1666/QĐ-UBND ngày 22/7/2014 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt chương trình khuyến công tỉnh Phú Thọ đến năm 2020.

Điều 8. Mức chi hoạt động khuyến công

1. Chi hỗ trợ thành lập doanh nghiệp sản xuất công nghiệp nông thôn tại các địa bàn có điều kiện kinh - tế xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật, bao gồm: Hoàn thiện kế hoạch kinh doanh khả thi; dự án thành lập doanh nghiệp và chi phí liên quan đến đăng ký thành lập doanh nghiệp. Mức hỗ trợ không quá 9 triệu đồng/doanh nghiệp;

2. Chi hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới, bao gồm các chi phí: Xây dựng, mua máy móc thiết bị; hoàn

chính tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ tối đa 30% nhưng không quá 450 triệu đồng/mô hình.

Mức hỗ trợ đối với các cơ sở công nghiệp nông thôn đang hoạt động có hiệu quả cần phổ biến tuyên truyền, nhân rộng để các tổ chức cá nhân khác học tập; bao gồm các chi phí: Hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ; hoàn thiện quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ 90 triệu đồng/mô hình;

3. Chi hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị, chuyển giao công nghệ tiên tiến vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí nhưng không quá 180 triệu đồng/cơ sở;

4. Chi hỗ trợ tổ chức hội chợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn, hàng thủ công mỹ nghệ trong nước, bao gồm: Hỗ trợ 100% chi phí thuê gian hàng, chi thông tin tuyên truyền và chi hoạt động của Ban tổ chức hội chợ triển lãm trên cơ sở giá đấu thầu hoặc trường hợp không đủ điều kiện đấu thầu thì theo giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Trường hợp các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ, triển lãm khác trong nước. Mức hỗ trợ 80% giá thuê gian hàng;

5. Chi tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm cho các cơ sở công nghiệp nông thôn tại nước ngoài. Hỗ trợ 100% các khoản chi phí, bao gồm: Thuê mặt bằng, thiết kế, dàn dựng gian hàng, trang trí chung của khu vực Việt Nam;

6. Chi hỗ trợ 100% chi phí vé máy bay cho các cơ sở công nghiệp nông thôn đi tham gia khảo sát, học tập kinh nghiệm tại nước ngoài. Số người được hỗ trợ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền;

7. Chi tổ chức bình chọn và cấp giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh:

- Chi cho tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh. Mức hỗ trợ 90 triệu đồng/lần.

- Chi thưởng cho sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được bình chọn đạt giải cấp tỉnh thưởng 04 triệu đồng/sản phẩm.

8. Chi hỗ trợ xây dựng và đăng ký thương hiệu đối với các sản phẩm công nghiệp nông thôn. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí, nhưng không quá 30 triệu đồng/thương hiệu;

9. Chi hỗ trợ thuê tư vấn, trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn trong các lĩnh vực: Lập dự án đầu tư, marketing; quản lý sản xuất, tài chính, kế toán, nhân lực; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ, thiết bị mới. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí, nhưng không quá 30 triệu đồng/cơ sở;

10. Chi xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh; xuất bản các bản tin ấn phẩm; tờ rời, tờ gấp và các hình thức thông tin đại chúng khác. Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với các cơ quan tuyên truyền và cơ quan thông tin đại chúng theo đơn giá được cấp thẩm quyền phê duyệt;

11. Chi hỗ trợ để thành lập hội, hiệp hội ngành nghề cấp tỉnh. Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí thành lập, nhưng không quá 60 triệu đồng/hội, hiệp hội;

12. Chi hỗ trợ để hình thành cụm liên kết doanh nghiệp công nghiệp. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí nhưng không quá 130 triệu đồng/cụm liên kết;

13. Chi hỗ trợ lãi suất vốn vay cho các cơ sở công nghiệp nông thôn gây ô nhiễm môi trường di dời vào các khu, cụm công nghiệp (hỗ trợ sau khi cơ sở công nghiệp nông thôn đã hoàn thành việc đầu tư): Mức hỗ trợ tối đa 50% lãi suất cho các khoản vay để đầu tư xây nhà, xưởng, máy móc thiết bị trong 02 năm đầu nhưng không quá 450 triệu đồng /cơ sở. Việc hỗ trợ lãi suất áp dụng đối với các khoản vay trung hạn và dài hạn bằng đồng Việt Nam trả nợ trước hoặc trong hạn, không áp dụng đối với các khoản vay đã quá thời hạn trả nợ theo hợp đồng tín dụng. Với mức lãi suất cho vay thấp nhất trong khung lãi suất áp dụng cho các khoản vốn đầu tư phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh cùng kỳ hạn và cùng thời kỳ của Ngân hàng Đầu tư Việt Nam;

14. Chi hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại cơ sở công nghiệp nông thôn. Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí, nhưng không quá 270 triệu đồng/cơ sở;

15. Chi hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp. Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí, nhưng không quá 1.300 triệu đồng/cụm công nghiệp;

16. Chi hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí, nhưng không quá 450 triệu đồng/cụm công nghiệp;

17. Chi hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp, bao gồm: San lấp mặt bằng, đường giao thông nội bộ, hệ thống cấp điện, nước, thoát nước tại các cụm công nghiệp. Mức hỗ trợ không quá 2.700 triệu đồng/cụm công nghiệp.

18. Chi quản lý chương trình đề án khuyến công

- Chi tối đa 1,5% kinh phí khuyến công do Ủy ban nhân dân tỉnh giao hàng năm để hỗ trợ Sở Công thương xây dựng các chương trình, đề án, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu: Thuê chuyên gia, lao động (nếu có); chi làm thêm giờ theo chế độ quy định; văn phòng phẩm, điện thoại, bưu chính, điện nước; chi công tác phí, xăng dầu, thuê xe đi kiểm tra (nếu có); nghiệm thu chương trình, đề án khuyến công; chi khác (nếu có).

- Đối với tổ chức thực hiện hoạt động dịch vụ khuyến công: Đơn vị triển khai thực hiện đề án khuyến công được chi tối đa 2,5% dự toán đề án, dự án khuyến công để chi công tác quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, chi khác (nếu có).

19. Mức kinh phí ưu tiên hỗ trợ cho các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ khuyến công quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 6 của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP đảm bảo thu hút được các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, áp dụng sản xuất sạch hơn vào các địa bàn và ngành nghề ưu tiên không quá 1,5 lần mức hỗ trợ quy định trên đây;

Các nội dung chỉ hoạt động khuyến công khác của tỉnh Phú Thọ không quy định tại quy chế này thì thực hiện theo Thông tư liên tịch số 26/2014/TTLT-BTC-BCT ngày 18/02/2014 của Bộ Tài chính - Bộ Công Thương về hướng dẫn trình tự lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương.

Điều 9. Lập, chấp hành và quyết toán kinh phí khuyến công

a) Lập, phân bổ dự toán và chấp hành dự toán:

- Hàng năm Trung tâm Khuyến công, Tư vấn và Tiết kiệm năng lượng xây dựng kế hoạch, kinh phí khuyến công báo cáo Sở Công Thương, Sở Tài chính thẩm định và tổng hợp dự toán ngân sách địa phương trình UBND tỉnh để trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

- Căn cứ dự toán kinh phí khuyến công được UBND tỉnh giao hàng năm Trung tâm Khuyến công, Tư vấn và Tiết kiệm năng lượng có trách nhiệm báo cáo trước Hội đồng thẩm định liên ngành (Hội đồng do Sở Công thương chủ trì và có sự tham gia của Sở Tài chính) Hội đồng có trách nhiệm xem xét, thẩm định từng chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ... và thực hiện phân bổ kinh phí khuyến công địa phương, trên cơ sở kết quả của Hội đồng thẩm định, Trung tâm Khuyến công, Tư vấn và Tiết kiệm năng lượng có trách nhiệm hoàn chỉnh các thủ tục thanh toán và gửi Sở Tài chính làm căn cứ giao dự toán cho các đơn vị thực hiện.

- Trên cơ sở dự toán và kết quả của Hội đồng thẩm định, Trung tâm Khuyến công, Tư vấn và Tiết kiệm năng lượng tạm ứng cho các đơn vị sử dụng kinh phí khuyến công để thực hiện dự án, chương trình... nhưng không vượt quá 70% tổng kinh phí được hỗ trợ, số kinh phí còn lại được thanh toán sau khi hoàn thiện quyết toán.

- Căn cứ vào dự toán chi ngân sách nhà nước của đơn vị được giao, các đơn vị thực hiện rút dự toán tại Kho bạc nhà nước nơi giao dịch. Kho bạc nhà nước tỉnh thực hiện kiểm soát, thanh toán cho đơn vị sử dụng kinh phí khuyến công theo hướng dẫn chế độ quản lý, cấp phát, thanh toán theo chế độ chi tiêu hiện hành.

b) Công tác hạch toán, quyết toán:

- Các đơn vị trực tiếp sử dụng kinh phí của Chương trình có trách nhiệm hạch toán và quyết toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khuyến công vào loại 070 khoản 102 "hoạt động khuyến công", theo chương tương ứng của Mục lục ngân sách nhà nước;

- Các đơn vị thụ hưởng kinh phí Khuyến công phải quyết toán kinh phí đã sử dụng với Trung tâm Khuyến công, Tư vấn và Tiết kiệm năng lượng, sau khi quyết toán Trung tâm Khuyến công, Tư vấn và Tiết kiệm năng lượng tỉnh có trách nhiệm gửi hồ sơ về Sở Công thương và Sở Tài chính để quyết toán. Trình tự lập, mẫu biểu báo cáo, thời gian nộp và xét duyệt báo cáo quyết toán thực hiện theo quy định hiện hành.

- Khi kết thúc chương trình, đề án, dự án... chậm nhất sau 30 ngày đơn vị sử dụng kinh phí Khuyến công phải lập báo cáo quyết toán theo quy định gửi về Trung

tâm Khuyến công, Tư vấn và Tiết kiệm năng lượng. Hồ sơ gồm 01 bộ gốc (bộ gốc sẽ trả lại ngay sau khi có quyết định phê duyệt quyết toán), 02 bộ sao y bản chính (có dấu và chữ ký xác nhận của thủ trưởng cơ quan đơn vị sử dụng kinh phí khuyến công để lưu hồ sơ quyết toán).

Hồ sơ quyết toán gồm: Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ kèm theo dự toán chi tiết kinh phí được duyệt; biên bản nghiệm thu; thanh lý hợp đồng; công văn đề nghị quyết toán; quyết định phê duyệt dự toán và các hóa đơn chứng từ có liên quan theo chế độ hiện hành (các chứng từ gốc về chi tiêu của đơn vị trực tiếp thụ hưởng và thực hiện nhiệm vụ khuyến công được lưu tại đơn vị).

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Phân công trách nhiệm

1. Sở Tài chính:

Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương tổng hợp cân đối nguồn kinh phí khuyến công trong dự toán ngân sách hàng năm, báo cáo UBND tỉnh quyết định; có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra và quyết toán kinh phí sự nghiệp Khuyến công theo quy định.

2. Sở Công Thương:

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn thực hiện, kiểm tra việc thực hiện quyết định này. Phối hợp với các sở, ban, ngành và các tổ chức liên quan chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công.

3. Các sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thành, thị:

Hướng dẫn các đơn vị trong phạm vi quản lý của mình xây dựng kế hoạch hỗ trợ; xem xét, có ý kiến và chịu trách nhiệm về ý kiến của mình đối với hồ sơ đề nghị hỗ trợ; tổng hợp, đề xuất kế hoạch hỗ trợ hàng năm của ngành, của địa phương mình.

4. Trung tâm Khuyến công, Tư vấn và Tiết kiệm năng lượng:

Chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công theo quy chế quản lý vốn và chế độ tài chính hiện hành:

- Trực tiếp tiếp nhận; xem xét, tổng hợp hồ sơ đề nghị của các đơn vị, địa phương, xây dựng kế hoạch vốn khuyến công hàng năm, từng giai đoạn báo cáo Sở Công Thương để thống nhất với Sở Tài chính trình UBND tỉnh xem xét, quyết định bố trí nguồn vốn trong dự toán ngân sách hàng năm.

- Thông báo, hướng dẫn cho các đối tượng được hỗ trợ lập hồ sơ, thủ tục và thực hiện công tác thanh quyết toán theo quy định.

- Kiểm tra việc sử dụng vốn khuyến công của các đối tượng được hỗ trợ. Nếu phát hiện thấy sử dụng không đúng mục đích thì ngừng cấp kinh phí và báo cáo cơ quan có thẩm quyền để có biện pháp xử lý.

- Thực hiện quyết toán theo quy định hiện hành; tổng hợp kết quả báo cáo Sở Công Thương, Sở Tài chính và các cơ quan liên quan theo quy định.

5. Các tổ chức, cá nhân được hỗ trợ kinh phí thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm sử dụng kinh phí khuyến công được hỗ trợ đúng mục đích, đúng nội dung theo quy định của quy chế và các văn bản pháp luật quy định.

6. Thành viên Hội đồng thẩm định đề án khuyến công:

- Có trách nhiệm nghiên cứu hồ sơ đề án khuyến công, các nội dung liên quan đến lĩnh vực, ngành mình quản lý, thẩm định hồ sơ đề án theo quy định của Quy chế này và các quy định của pháp luật liên quan.

- Chịu trách nhiệm về những ý kiến thẩm định trước Hội đồng thẩm định và UBND tỉnh. Trường hợp ủy quyền cho cán bộ thay mặt tham dự họp, phải đảm bảo đúng chuyên ngành, lĩnh vực liên quan đến đề án và chịu trách nhiệm về những ý kiến của cán bộ được cử tham gia thẩm định.

Điều 11. Điều khoản thi hành:

1. Quy chế này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký quyết định ban hành; các quy định trước đây trái với các quy định trong quy chế này đều bị bãi bỏ.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc cần điều chỉnh bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, các tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh bằng văn bản về Sở Công Thương để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Chu Ngọc Anh